

Số: 651 /TTr-UBND

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 9 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên vốn ngân sách trung ương
năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
phòng, chống ma túy đến năm 2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030;

Xem xét báo cáo, đề xuất của Công an tỉnh tại Tờ trình số 205/TTr-CAT-PV01 ngày 17/9/2026 và Sở Tài chính tại Văn bản số 6791/STC-NST ngày 17/9/2026; thực hiện Kết luận số 110-KL/TU ngày 21/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 41 và ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh tại Văn bản số 840-CV/ĐU ngày 18/9/2026; trên cơ sở kết quả biểu quyết thống nhất của các thành viên UBND tỉnh (biểu quyết trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành số), UBND tỉnh thống nhất, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ kinh phí chi thường xuyên vốn ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 (sau đây gọi là Chương trình) như sau:

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

Căn cứ Văn bản số 427/BCA-C04 ngày 02/02/2026 của Bộ Công an về dự kiến tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030; trong đó, tỉnh Hà Tĩnh dự kiến được phân bổ 95.286 triệu đồng.

Đối với năm 2026, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11/6/2026 bổ sung có mục tiêu cho tỉnh Hà Tĩnh 21.000 triệu đồng kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Chương trình.

2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

Trên cơ sở Kết luận số 110-KL/TU ngày 21/9/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 41, UBND tỉnh đã hoàn thiện, có Tờ trình số 648/TTr-UBND ngày 21/9/2026 đề nghị HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

3. Phương án phân bổ vốn năm 2026

Trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại Kết luận số 110-KL/TU ngày 21/9/2026 và UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết tại Tờ trình số 648/TTr-UBND ngày 21/9/2026; nguồn vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ tại Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11/6/2026 và đề xuất của Sở Tài chính, Công an tỉnh *(trên cơ sở đề xuất của các sở, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường)*, UBND tỉnh thống nhất đề xuất phương án phân bổ như sau:

3.1. Dự án 1 (Phòng ngừa, đấu tranh tội phạm về ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia): 3.908 triệu đồng (Công an tỉnh thực hiện).

3.2. Dự án 4 (Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy ở cơ sở): 12.512 triệu đồng (phân bổ chi tiết cho 69/69 xã thực hiện); trong đó:

- Nhóm 1 (05 xã được phân loại địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy loại III thuộc khu vực II): 288 triệu đồng/xã (hệ số 2,25), tổng kinh phí 1.440 triệu đồng.

- Nhóm 2 (45 xã, phường được phân loại địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy loại III còn lại): 192 triệu đồng/xã, phường (hệ số 1,5), tổng kinh phí 8.640 triệu đồng.

- Nhóm 3 (19 xã được phân loại xã không ma túy): 128 triệu đồng/xã (hệ số 1,0), tổng kinh phí 2.432 triệu đồng.

3.3. Dự án 5 (Nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy và quản lý sau cai): 400 triệu đồng (Công an tỉnh thực hiện).

3.4. Dự án 6 (Tăng cường đáp ứng y tế trong phòng, chống ma túy): 671 triệu đồng (Sở Y tế thực hiện).

3.5. Dự án 7 (Truyền thông, giáo dục về phòng, chống ma túy): 3.030 triệu đồng; trong đó:

- Tiểu dự án 1 (Truyền thông về phòng, chống ma túy): 185 triệu đồng (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện).

- Tiểu dự án 2 (Nâng cao hiệu quả truyền thông, giáo dục phòng, chống ma túy ở cơ sở): 1.566 triệu đồng (Công an tỉnh thực hiện).

- Tiểu dự án 3 (Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về

phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên): 1.279 triệu đồng (Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện).

3.6. Dự án 8 (Nâng cao khả năng tiếp cận, thụ hưởng về dịch vụ trợ giúp pháp lý chất lượng và giáo dục pháp luật trong phòng, chống ma túy): 212 triệu đồng (Sở Tư pháp thực hiện).

3.7. Dự án 9 (Quản lý, giám sát, đánh giá Chương trình): 267 triệu đồng; trong đó:

- Công an tỉnh: 207 triệu đồng.
- Sở Giáo dục và Đào tạo: 20 triệu đồng.
- Sở Y tế: 20 triệu đồng.
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 10 triệu đồng.
- Sở Tư pháp: 10 triệu đồng.

4. Về thẩm quyền

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

- UBND cấp tỉnh xây dựng, trình HĐND cấp tỉnh quyết định phân bổ dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công hằng năm theo quy định tại Điều 7 Nghị định này (điểm b khoản 1 Điều 56).

- UBND cấp tỉnh phân bổ, giao và chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 05 năm, dự toán chi ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công hằng năm theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Nghị định này (khoản 3 Điều 56).

- Thủ tướng Chính phủ giao ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo tổng vốn chương trình, chi tiết chi đầu tư, chi thường xuyên; bộ, cơ quan trung ương, địa phương quyết định phân bổ chi tiết theo nội dung, nhiệm vụ, lĩnh vực chi, dự án đầu tư, dự án thành phần thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia (điểm c khoản 2 Điều 11).

- Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương hoàn thành việc phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc chi tiết theo ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, lĩnh vực chi, danh mục và mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án đầu tư công thuộc dự án thành phần của từng chương trình mục tiêu quốc gia (điểm b khoản 2 Điều 7).

Như vậy, việc phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh quyết định¹.

¹ Trên cơ sở Nghị quyết phân bổ vốn của HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định phân bổ chi tiết đến từng nhiệm vụ thuộc dự án thành phần cho các sở, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã căn cứ mức vốn được bố trí, quyết định phân bổ chi tiết đến từng nhiệm vụ thuộc dự án thành phần cho đơn vị trực thuộc.

Từ những nội dung nêu trên, UBND tỉnh thống nhất, trình HĐND tỉnh quyết định phân bổ kinh phí chi thường xuyên vốn ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Báu Hà

Số: /NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ kinh phí chi thường xuyên vốn ngân sách trung ương
năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
phòng, chống ma túy đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 7619/QĐ-BCA ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Phân bổ kinh phí chi thường xuyên vốn ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số ... /BC-HĐND-PC ngày .. tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí chi thường xuyên vốn ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030, số tiền 21.000 triệu đồng; cụ thể như sau:

1. Dự án 1 (Phòng ngừa, đấu tranh tội phạm về ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia): 3.908 triệu đồng.
2. Dự án 4 (Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy ở cơ sở): 12.512 triệu đồng.
3. Dự án 5 (Nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy và quản lý sau cai): 400 triệu đồng.
4. Dự án 6 (Tăng cường đáp ứng y tế trong phòng, chống ma túy): 671 triệu đồng.
5. Dự án 7 (Truyền thông, giáo dục về phòng, chống ma túy): 3.030 triệu đồng; trong đó:
 - Tiểu dự án 1 (Truyền thông về phòng, chống ma túy): 185 triệu đồng.
 - Tiểu dự án 2 (Nâng cao hiệu quả truyền thông, giáo dục phòng, chống ma túy ở cơ sở): 1.566 triệu đồng.
 - Tiểu dự án 3 (Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên): 1.279 triệu đồng.
6. Dự án 8 (Nâng cao khả năng tiếp cận, thụ hưởng về dịch vụ trợ giúp pháp lý chất lượng và giáo dục pháp luật trong phòng, chống ma túy): 212 triệu đồng.
7. Dự án 9 (Quản lý, giám sát, đánh giá Chương trình): 267 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; phân bổ chi tiết kinh phí cho các sở, ngành cấp tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; điều chỉnh kinh phí thực hiện giữa các sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường (trong trường hợp cần thiết) trong phạm vi kinh phí thực hiện của từng dự án thành phần đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Điều 1.

2. Giao Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ số vốn được giao, quyết định phân bổ chi tiết kinh phí cho đơn vị trực thuộc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIX, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- TTr Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm T.Tin VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT,

CHỦ TỊCH

Phụ lục I

PHÂN BỐ NGUỒN KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2026
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG MA TÚY ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /9/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị, địa phương	Số tiền phân bổ	Chi tiết dự án thành phần										Ghi chú
			Dự án 1	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 7	Trong đó:			Dự án 8	Dự án 9	
								Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 3			
	Tổng cộng	21.000	3.908	12.512	400	671	3.030	185	1.566	1.279	212	267	
1	Các sở, ngành cấp tỉnh	8.488	3.908	0	400	671	3.030	185	1.566	1.279	212	267	
2	Các xã, phường	12.512		12.512									Chi tiết phụ lục II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Phụ lục II
PHÂN BỐ NGUỒN KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM
2026 CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN 4 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG MA TÚY ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /9/2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa phương	Tiêu chí tính hệ số					Số tiền bình quân trên 1 hệ số	Tổng kinh phí thực hiện Dự án 4	Số tiền phân bổ
		Địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực I, II, III	Phân loại địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy	Hệ số gốc (Hg)	Hệ số tăng thêm (Ht)	Tổng hệ số (Hi)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)/(7)	(9)	(10)=(7)*(8)
	Tổng cộng					97,75	128	12.512	12.512
I	Nhóm 1 (xã được phân loại địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy loại III, thuộc Khu vực II)								1.440
1	Son Tây	II	III	1,5	2,25	2,25			288
2	Son Hồng	II	III	1,5	2,25	2,25			288
3	Vũ Quang	II	III	1,5	2,25	2,25			288
4	Son Kim 1	II	III	1,5	2,25	2,25			288
5	Son Kim 2	II	III	1,5	2,25	2,25			288
II	Nhóm 2 (xã, phường được phân loại địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy loại III còn lại)								8.640
1	Thành Sen		III	1,5		1,5			192
2	Trần Phú		III	1,5		1,5			192
3	Hà Huy Tập		III	1,5		1,5			192
4	Sông Trí		III	1,5		1,5			192
5	Hải Ninh		III	1,5		1,5			192
6	Hoành Sơn		III	1,5		1,5			192

STT	Địa phương	Tiêu chí tính hệ số					Số tiền bình quân trên 1 hệ số	Tổng kinh phí thực hiện Dự án 4	Số tiền phân bổ
		Địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực I, II, III	Phân loại địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy	Hệ số gốc (Hg)	Hệ số tăng thêm (Ht)	Tổng hệ số (Hi)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)/ (7)	(9)	(10)=(7)*(8)
7	Vũng Áng		III	1,5		1,5			192
8	Bắc Hồng Lĩnh		III	1,5		1,5			192
9	Nam Hồng Lĩnh		III	1,5		1,5			192
10	Cẩm Bình		III	1,5		1,5			192
11	Kỳ Xuân		III	1,5		1,5			192
12	Kỳ Anh		III	1,5		1,5			192
13	Kỳ Hoa		III	1,5		1,5			192
14	Kỳ Văn		III	1,5		1,5			192
15	Kỳ Khang		III	1,5		1,5			192
16	Kỳ Lạc		III	1,5		1,5			192
17	Kỳ Thượng		III	1,5		1,5			192
18	Cẩm Xuyên		III	1,5		1,5			192
19	Thiên Cẩm		III	1,5		1,5			192
20	Cẩm Duệ		III	1,5		1,5			192
21	Cẩm Hưng		III	1,5		1,5			192
22	Cẩm Trung		III	1,5		1,5			192
23	Yên Hoà		III	1,5		1,5			192
24	Thạch Hà		III	1,5		1,5			192
25	Thạch Xuân		III	1,5		1,5			192
26	Mai Phụ		III	1,5		1,5			192
27	Can Lộc		III	1,5		1,5			192
28	Tùng Lộc		III	1,5		1,5			192

STT	Địa phương	Tiêu chí tính hệ số					Số tiền bình quân trên 1 hệ số	Tổng kinh phí thực hiện Dự án 4	Số tiền phân bổ
		Địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực I, II, III	Phân loại địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy	Hệ số gốc (Hg)	Hệ số tăng thêm (Ht)	Tổng hệ số (Hi)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)/ (7)	(9)	(10)=(7)*(8)
29	Gia Hanh		III	1,5		1,5			192
30	Xuân Lộc		III	1,5		1,5			192
31	Đồng Lộc		III	1,5		1,5			192
32	Tiên Điền		III	1,5		1,5			192
33	Nghi Xuân		III	1,5		1,5			192
34	Cổ Đạm		III	1,5		1,5			192
35	Đan Hải		III	1,5		1,5			192
36	Đức Thọ		III	1,5		1,5			192
37	Đức Thịnh		III	1,5		1,5			192
38	Hương Sơn		III	1,5		1,5			192
39	Tứ Mỹ		III	1,5		1,5			192
40	Sơn Giang		III	1,5		1,5			192
41	Hương Khê		III	1,5		1,5			192
42	Hương Phố		III	1,5		1,5			192
43	Hương Đô		III	1,5		1,5			192
44	Phúc Trạch		III	1,5		1,5			192
45	Hương Xuân		III	1,5		1,5			192
	Nhóm 3 (Xã không ma túy)								2.432
1	Thạch Lạc		KMT	1		1			128
2	Đồng Tiến		KMT	1		1			128
3	Thạch Khê		KMT	1		1			128
4	Cầm Lạc		KMT	1		1			128

STT	Địa phương	Tiêu chí tính hệ số					Số tiền bình quân trên 1 hệ số	Tổng kinh phí thực hiện Dự án 4	Số tiền phân bổ
		Địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực I, II, III	Phân loại địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy	Hệ số gốc (Hg)	Hệ số tăng thêm (Ht)	Tổng hệ số (Hi)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)/ (7)	(9)	(10)=(7)*(8)
5	Toàn Lưu		KMT	1		1			128
6	Việt Xuyên		KMT	1		1			128
7	Đông Kinh		KMT	1		1			128
8	Lộc Hà		KMT	1		1			128
9	Hồng Lộc		KMT	1		1			128
10	Trường Lưu		KMT	1		1			128
11	Đức Đồng		KMT	1		1			128
12	Đức Quang		KMT	1		1			128
13	Đức Minh		KMT	1		1			128
14	Sơn Tiến		KMT	1		1			128
15	Kim Hoa		KMT	1		1			128
16	Mai Hoa		KMT	1		1			128
17	Thượng Đức		KMT	1		1			128
18	Hà Linh		KMT	1		1			128
19	Hương Bình		KMT	1		1			128

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH